

067-23

MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM

Hoàng Quang Dũng*

TÓM TẮT

Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính cuối năm 2008 đến nay, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng vẫn còn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Với vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, việc giữ ổn định và củng cố năng lực hoạt động cho hệ thống ngân hàng là vấn đề được quan tâm đặc biệt. Đề án Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015 của Chính phủ ban hành theo Quyết định số 254/QĐ - TTg ngày 01 tháng 03 năm 2012 được thông qua với mục tiêu khắc phục những khó khăn yếu kém còn tồn tại của hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD), qua đó cải thiện mức độ an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống. Bài viết này nhằm khái quát kết quả thực hiện Đề án sau hai năm dựa trên số liệu của 28 ngân hàng thương mại cổ phần, xác định một số tồn tại và đưa ra một số định hướng trong thời gian tới.

Từ khóa: Tái cơ cấu, hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần, chất lượng tín dụng.

1. Một số thành quả bước đầu

1.1. Cơ cấu tài sản và chất lượng tài sản được cải thiện

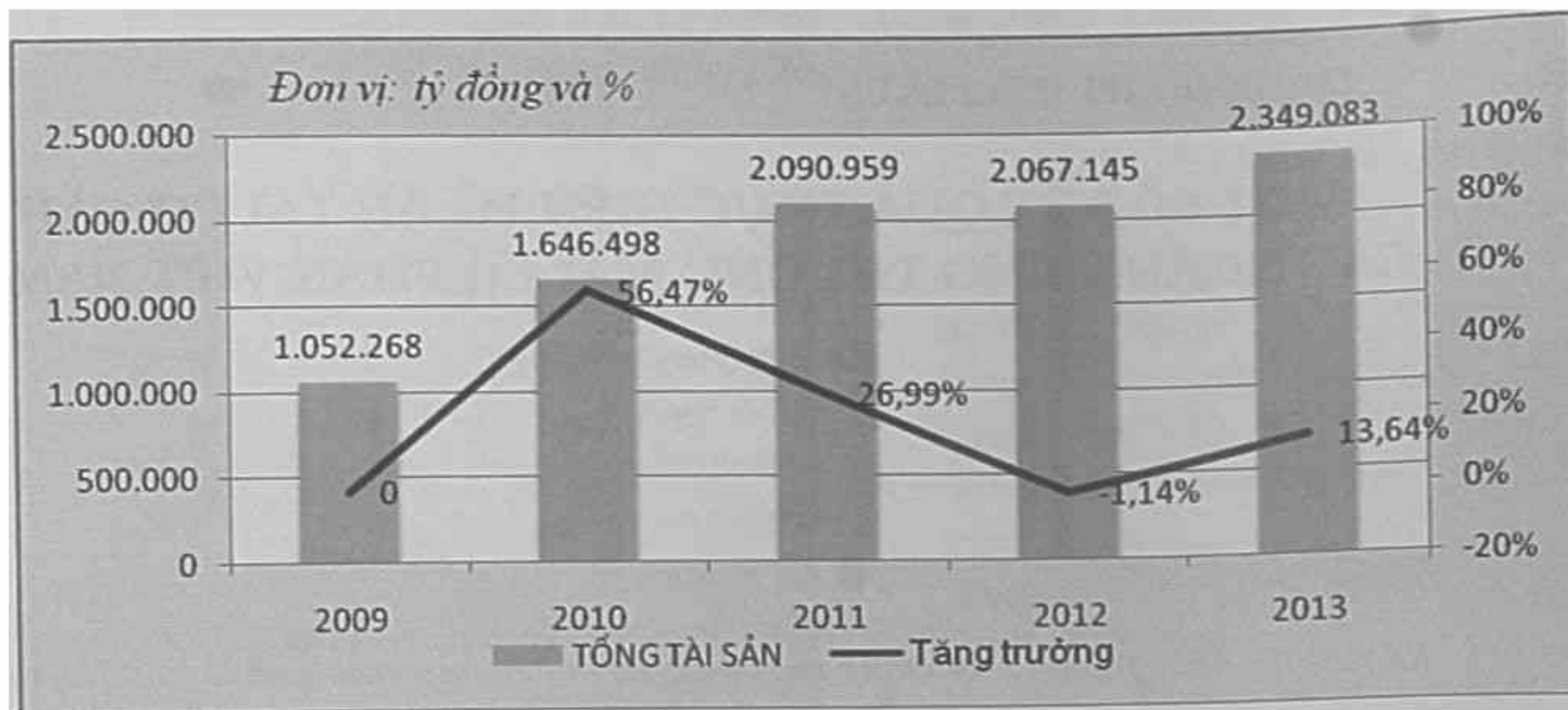
a. Tổng tài sản tăng trưởng hợp lý

Trong giai đoạn năm 2009 - 2013, tình hình tăng trưởng tài sản của nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần (NH TMCP) có xu hướng tăng đáng kể. Năm 2009, quy mô tổng

tài sản của Nhóm các NH TMCP ở mức 1.052.268 tỷ và năm 2013 con số này là 2.349.083 tỷ đồng, mức tăng trưởng bình quân qua các năm cho cả giai đoạn đạt 23,99%. Mức tăng trưởng năm 2010 đạt 56,47% sau đó nhanh chóng sụt giảm xuống dưới 0 vào năm 2012. Điều này bắt nguồn từ nguyên nhân chính là sự khó khăn trong thanh khoản giai đoạn cuối 2011.

* Hoàng Quang Dũng, Thạc sĩ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á.

Hình 1. Tăng trưởng tài sản của các NH TMCP nghiên cứu giai đoạn 2009 – 2013



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013

Trước thực trạng này, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã vào cuộc quyết liệt của NHNN qua việc giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng tối đa cho từng ngân hàng. Sau chính sách điều chỉnh kịp thời này, mức độ tăng trưởng tài sản của toàn hệ thống ngân hàng tại Việt nam nói chung và Nhóm các NH TMCP nghiên cứu nói riêng đã dần có sự điều chỉnh về mức hợp lý, từ mức tăng trưởng hơn 56,47%/năm (2010) về mức 13,64%/năm (2013). Sang năm 2013, trên cơ sở định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 14-16%, tín dụng tăng khoảng 12%, NHNN giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2013 cho các nhóm TCTD trên cơ sở tình hình hoạt động và khả năng mở rộng tín dụng của các TCTD và yêu cầu các TCTD thực hiện kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN giao. Cho phép các TCTD tiếp tục xem xét quyết định cho vay bằng ngoại tệ đối với một số đối tượng (Thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; nhập khẩu xăng dầu mà doanh nghiệp không có nguồn thu ngoại tệ; cho vay ngắn hạn nhằm thực hiện

sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới) đến hết ngày 31/12/2013 nhằm góp phần giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp trong điều kiện lãi suất cho vay bằng USD thấp hơn lãi suất cho vay bằng VND.

b. Cơ cấu tài sản dần thay đổi

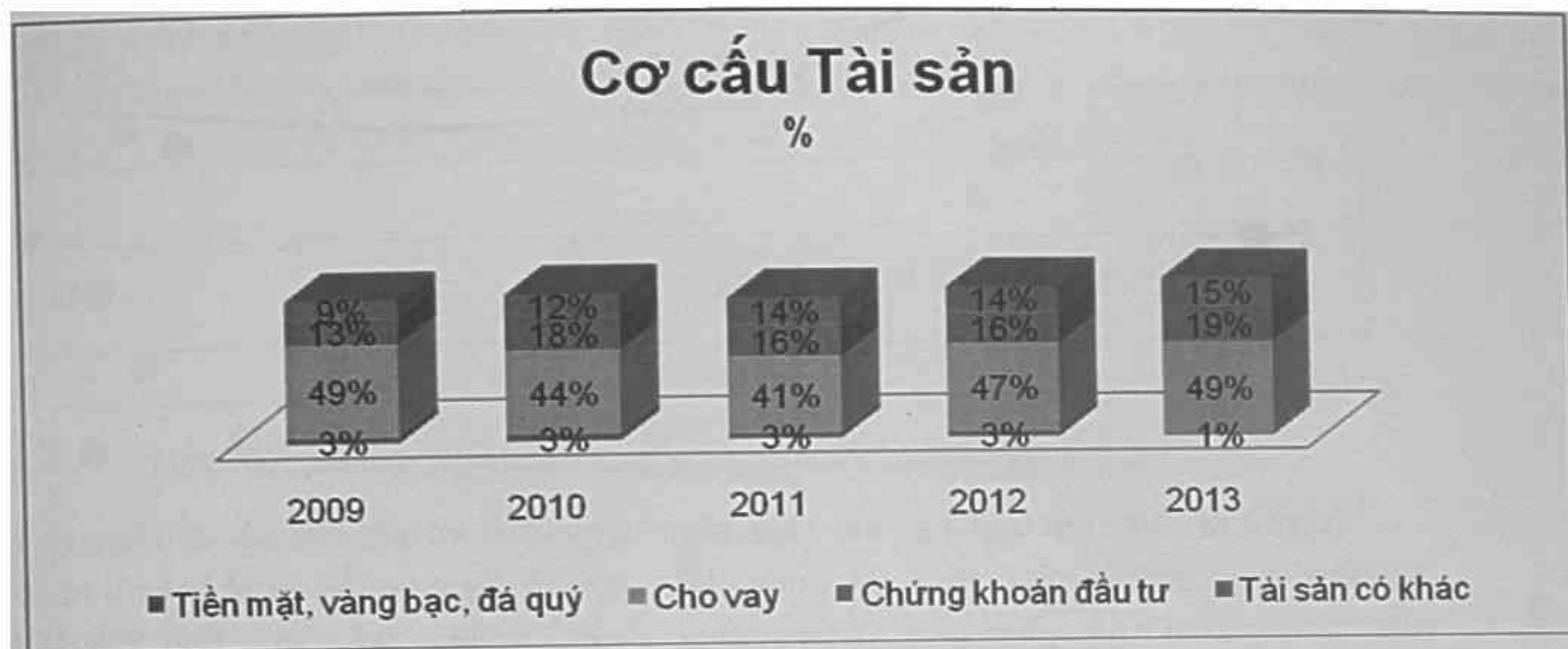
Với đặc thù hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam, tín dụng vẫn luôn là hoạt động cốt lõi đem lại thu nhập chính cũng như chiếm một tỷ lệ lớn trong bảng cân đối tài sản của Nhóm các NH TMCP nghiên cứu.

Số liệu phân tích cho thấy mặc dù tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản (40 – 49%) nhưng đã có sự dịch chuyển dần theo hướng đa dạng hóa. Tỷ trọng của danh mục chứng khoán đầu tư mà chủ yếu là trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu được chính phủ bảo lãnh dần được nâng lên. Xét trên một khía cạnh nào đó, đây là một sự thay đổi tích cực khi đây là danh mục đầu tư có mức độ an toàn cao và sinh lời hợp lý, nhất là trong hoàn cảnh các ngân hàng bị khống chế

bởi chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng tối đa của NHNN. Khi cần đáp ứng nhu cầu thanh khoản, các ngân hàng có thể dùng các trái phiếu này để cầm cố hoặc chiết khấu với NHNN. Tỷ

trọng các tài sản có khác cũng tăng lên từ 13% năm 2009 lên 19% năm 2013.

Hình 2. Cơ cấu tài sản



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Trong giai đoạn này, tỷ trọng tiền gửi tại NHNN và cho vay các TCTD khác có xu hướng giảm dần từ 26% năm 2011 xuống còn 16% năm 2013 trong khi tỷ trọng dư nợ tín dụng dần được điều chỉnh tăng lên từ 41% năm 2011 lên hơn 49% vào năm 2013. Đây cũng là sự dịch chuyển tích cực, khi các ngân hàng mạnh dạn hơn trong việc hướng nguồn cho vay các doanh nghiệp sản xuất hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và ưu tiên vốn tín dụng cho sản xuất, phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, sản xuất - chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

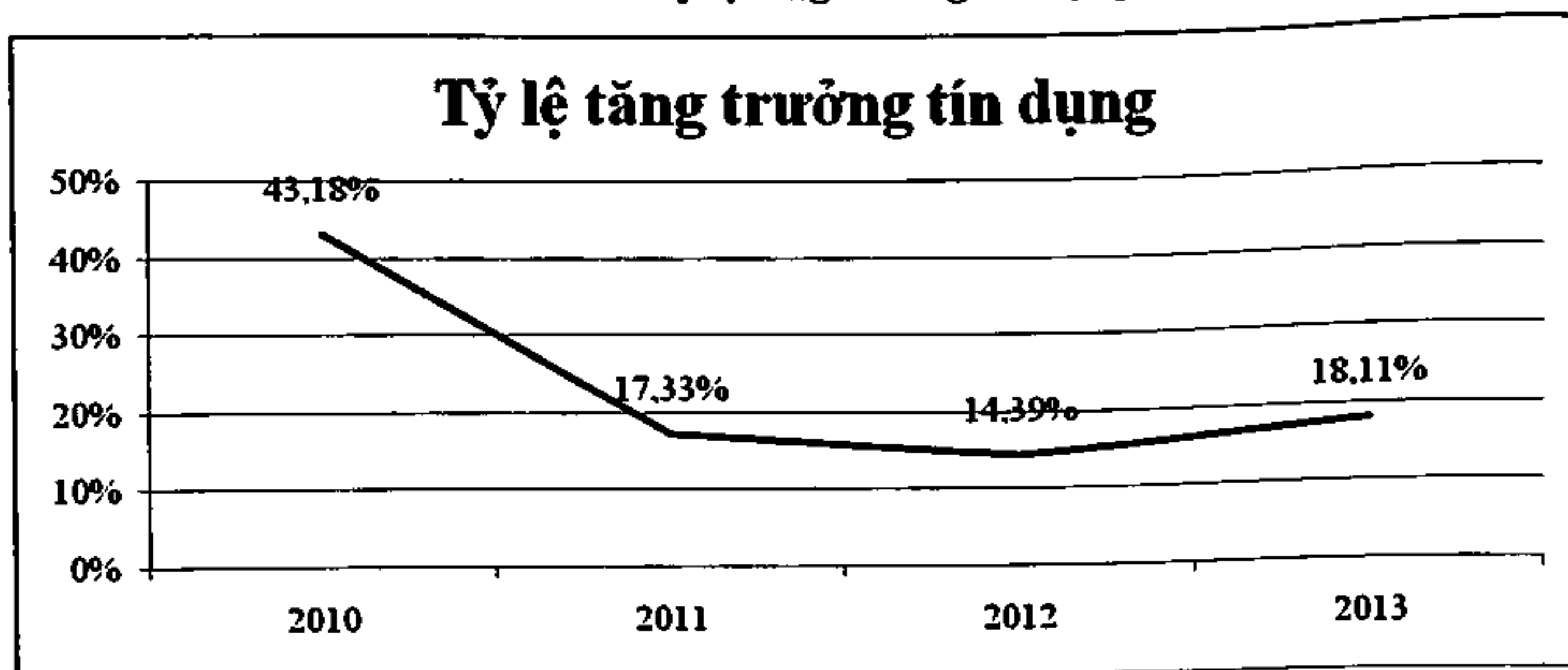
c. Tăng trưởng tín dụng nằm trong tầm kiểm soát

Việc tăng trưởng tín dụng quá nóng trong giai đoạn trước năm 2011 kết hợp với năng lực quản trị rủi ro chưa tốt của các ngân

hàng đã để lại nhiều hệ lụy cho ngành ngân hàng và nền kinh tế như nợ xấu tăng cao, thanh khoản căng thẳng kéo theo lãi suất tăng mạnh.

Để giải quyết vấn đề này thì ngay từ đầu năm 2012, NHNN đã phân loại thành 4 nhóm TCTD và giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng tối đa từng nhóm, tuy nhiên vẫn có sự điều chỉnh trên cơ sở đánh giá chất lượng hoạt động và khả năng mở rộng tín dụng của từng TCTD. Qua hơn 2 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu, tăng trưởng tín dụng nóng của Nhóm các NH TMCP đã được kìm hãm và dần đi vào ổn định. Tăng trưởng tín dụng của Nhóm các NH TMCP năm 2012 là 14,39% và năm 2013 con số này là 18,11%. Sau khi, NHNN kiểm soát được dòng vốn tín dụng của Nhóm các NH TMCP thì chất lượng tín dụng cũng như vấn đề thanh khoản của Nhóm các NH TMCP được cải thiện đáng kể.

Hình 3. Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Ngoài ra, NHNN tiếp tục chỉ đạo các TCTD thực hiện các giải pháp tín dụng, lãi suất đã triển khai trong năm 2012 và triển khai các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Đồng thời, NHNN đã phối hợp với một số Bộ, ngành nắm bắt khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ phù hợp; Tổ chức các Đoàn công tác của Ban lãnh đạo NHNN đến làm việc với Chính quyền và doanh nghiệp các tỉnh, thành phố để xử lý các khó khăn, vướng mắc giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

d. Nợ xấu được kiểm soát

Bên cạnh việc kìm hãm đà tăng trưởng nóng của tín dụng trong giai đoạn 2009 - 2011, cải thiện chất lượng tín dụng mà vấn đề nổi cộm là xử lý nợ xấu cũng được quan tâm đặc biệt. Ngày 23/4/2012, NHNN đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN cho phép các tổ chức tín dụng được cơ cấu lại nợ, ban hành chế tài xử lý nghiêm đối với tổ chức tín dụng không trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro theo

quy định và yêu cầu các tổ chức tín dụng tích cực sử dụng nguồn dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu (Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 9/11/2012).

Trong năm 2012 và những tháng đầu năm 2013, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng các TCTD vẫn tích cực trích lập dự phòng rủi ro, giảm chi phí hoạt động, lợi nhuận và hạn chế chia cổ tức để tạo nguồn xử lý nợ xấu. Số dư dự phòng rủi ro đã trích lập chưa sử dụng tăng từ mức 59,4 nghìn tỷ đồng cuối tháng 01/2012 lên mức cao nhất 78,6 nghìn tỷ đồng cuối tháng 11/2012 và giảm xuống còn 64,2 nghìn tỷ đồng trong tháng 12/2012 do các TCTD đã sử dụng để xử lý nợ xấu. Đến cuối tháng 4/2013, số dư dự phòng rủi ro đã trích lập chưa sử dụng đạt 73,6 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% so với cuối năm 2012. Đây là nguồn vốn quan trọng mà TCTD có thể sử dụng ngay để xử lý nợ xấu. Nhờ đó, trong năm 2012 và 4 tháng đầu năm 2013, tổng số nợ xấu đã được các TCTD xử lý bằng dự phòng rủi ro là 76,7 nghìn tỷ đồng (trong đó năm 2012 là 69,2

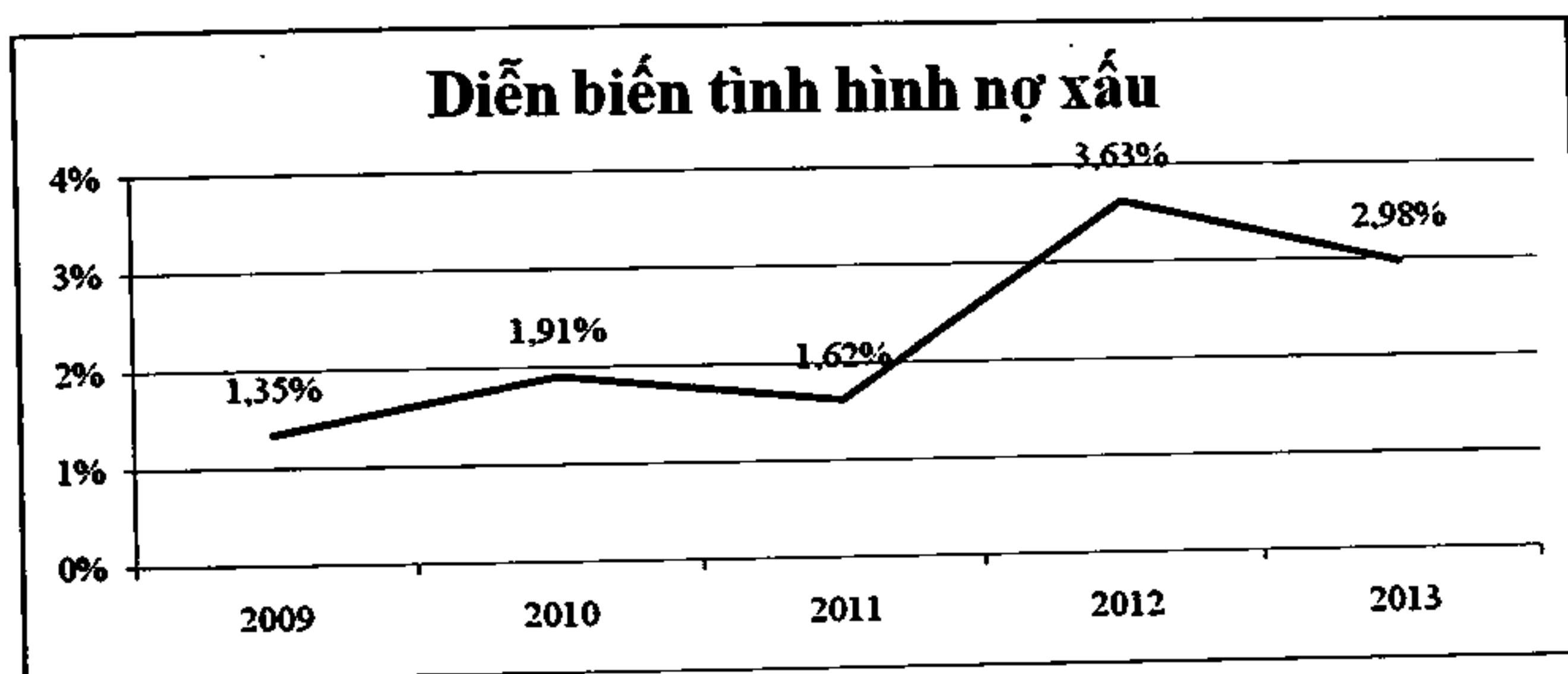
nghìn tỷ đồng và 4 tháng đầu năm 2013 là 7,5 nghìn tỷ đồng).

Đề án Tái cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011 - 2015 cùng với các Đề án xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD ban hành theo Quyết định số 843/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 31 tháng 05 năm 2013, Đề án thành lập công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) được thông qua và

triển khai nhằm tập trung giải quyết triệt để nợ xấu, khai thông huyết mạch nền kinh tế.

Nhờ triển khai chủ động, quyết liệt, mạnh mẽ các biện pháp xử lý nợ xấu cùng với các biện pháp tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng đã giúp hệ thống các TCTD giảm dần tốc độ gia tăng nợ xấu từ những tháng cuối năm 2012 và giảm mạnh nhất trong tháng 12/2012 (giảm 12,2%).

Hình 4. Diễn biến tình hình nợ xấu



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Tính đến thời điểm cuối năm 2013, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng của Nhóm các NH TMCP này là 2,98%. Vấn đề nợ xấu đang đi theo đúng định hướng của Đề án Tái cơ cấu, đó là phấn đấu đến năm 2015 xử lý được cơ bản số nợ xấu hiện nay, kiểm soát có hiệu quả và nâng cao chất lượng tín dụng.

e. Tăng cường trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của Nhóm các NH TMCP cũng có xu hướng tăng đáng kể. Điều này, một mặt là do các quy định mới của NHNN liên quan đến việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, mặt khác là do các ngân hàng ngày càng thực hiện nghiêm túc hơn các quy định liên quan. Số dư khoản mục dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của Nhóm các NH TMCP trong giai đoạn 2009 – 2013 đã tăng 127% từ 1.479 tỷ năm 2009 lên 18.836 tỷ năm 2013.

Hình 5. Dự phòng rủi ro tín dụng



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Số dư Quỹ dự phòng lớn xét về một khía cạnh nào đó đã cho thấy các ngân hàng đang có ý thức hơn trong việc phòng tránh rủi ro nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Các khoản dự phòng này đóng vai trò như tấm đệm giảm thiểu rủi ro cho ngân hàng khi khách hàng vay không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết vay.

f. Nguồn vốn huy động đa dạng và có tính ổn định cao

Bên cạnh việc cân đối lại cơ cấu các tài sản có trên bảng cân đối, Nhóm các NH TMCP cũng chú trọng đến việc cân đối nguồn vốn nhằm nâng cao tính ổn định và bền vững khả năng chi trả cũng như cải thiện thanh khoản. Có thể nói nguồn vốn huy động và vốn góp của chủ sở hữu là hai khoản mục có vai trò vô cùng quan trọng trong cấu trúc nguồn vốn của các ngân hàng thương mại.

Sau hơn 2 năm thực hiện Đề án Tái cơ cấu, quy mô huy động vốn của Nhóm các NH TMCP tăng trưởng tích cực. Trong đó, huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế (thị trường 1) chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng

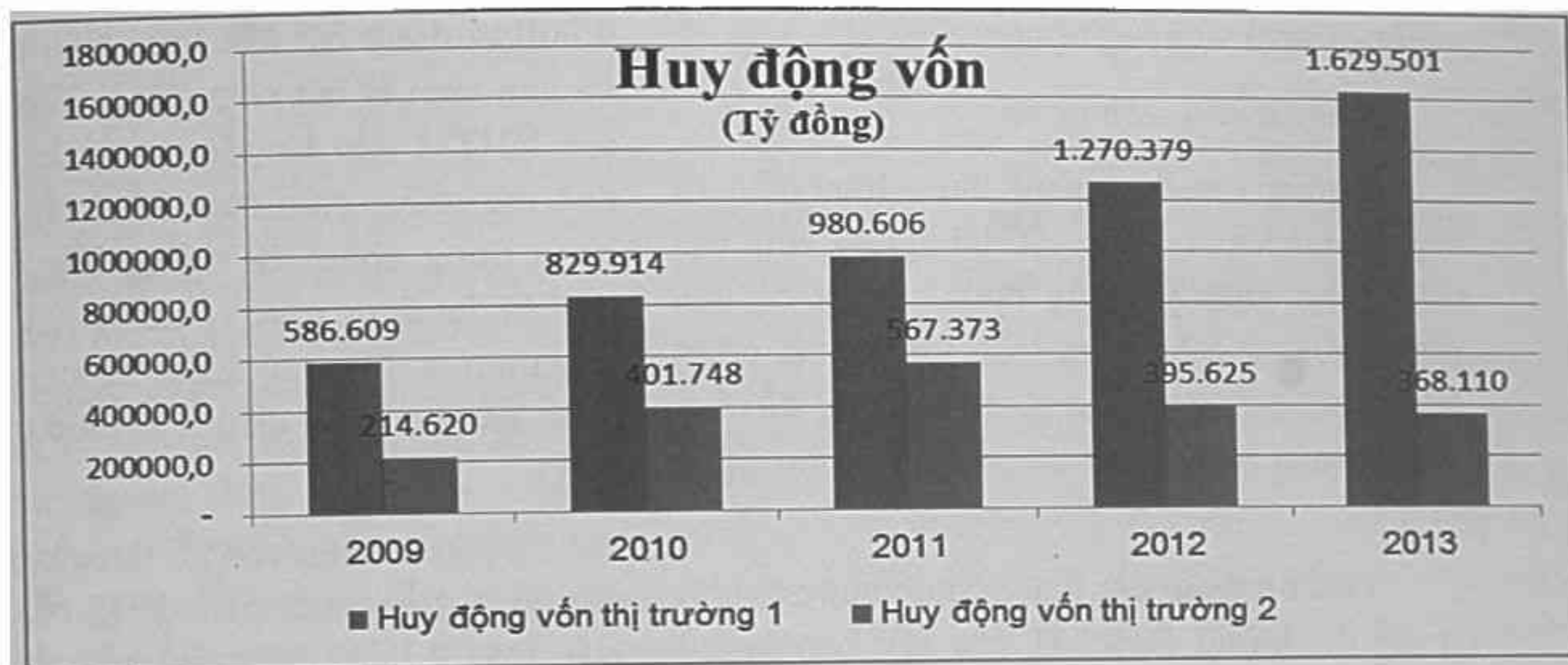
vốn huy động và có xu hướng tăng qua các năm. Sau những khó khăn về thanh khoản gặp phải trong năm 2011, các ngân hàng tích cực đẩy mạnh huy động vốn từ Thị trường 1 để tăng tính chủ động khi có nhu cầu về thanh khoản. Số vốn từ thị trường 1 đã tăng từ 586.609 tỷ đồng năm 2009 lên 1.629.501 tỷ đồng năm 2013, tăng 278%. Mặt khác, trong giai đoạn này nền kinh tế có nhiều biến động dẫn tới các kênh đầu tư khác như thị trường chứng khoán, vàng, bất động sản.v.v.. diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro trong khi kênh đầu tư gửi tiền tại hệ thống ngân hàng vẫn hấp dẫn và an toàn với người dân. Điều này đã giúp cho nguồn vốn huy động từ Thị trường 1 của các ngân hàng thương mại tăng trưởng mạnh.

Huy động vốn từ thị trường liên ngân hàng (thị trường 2) tăng cao đỉnh điểm ở năm 2011 và giảm dần quy mô qua các năm 2012 và 2013. Cuối năm 2011, các ngân hàng nhỏ gặp khó khăn tạm thời về thanh khoản và vay mượn các ngân hàng lớn trên thị trường liên ngân hàng, đẩy khối lượng giao dịch tăng cao.

Qua thời điểm khó khăn về thanh khoản 2011 cùng với những chính sách điều hành tiền tệ từ

phía NHNN, giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm nhiệt và dần đi vào ổn định.

Hình 6. Huy động vốn

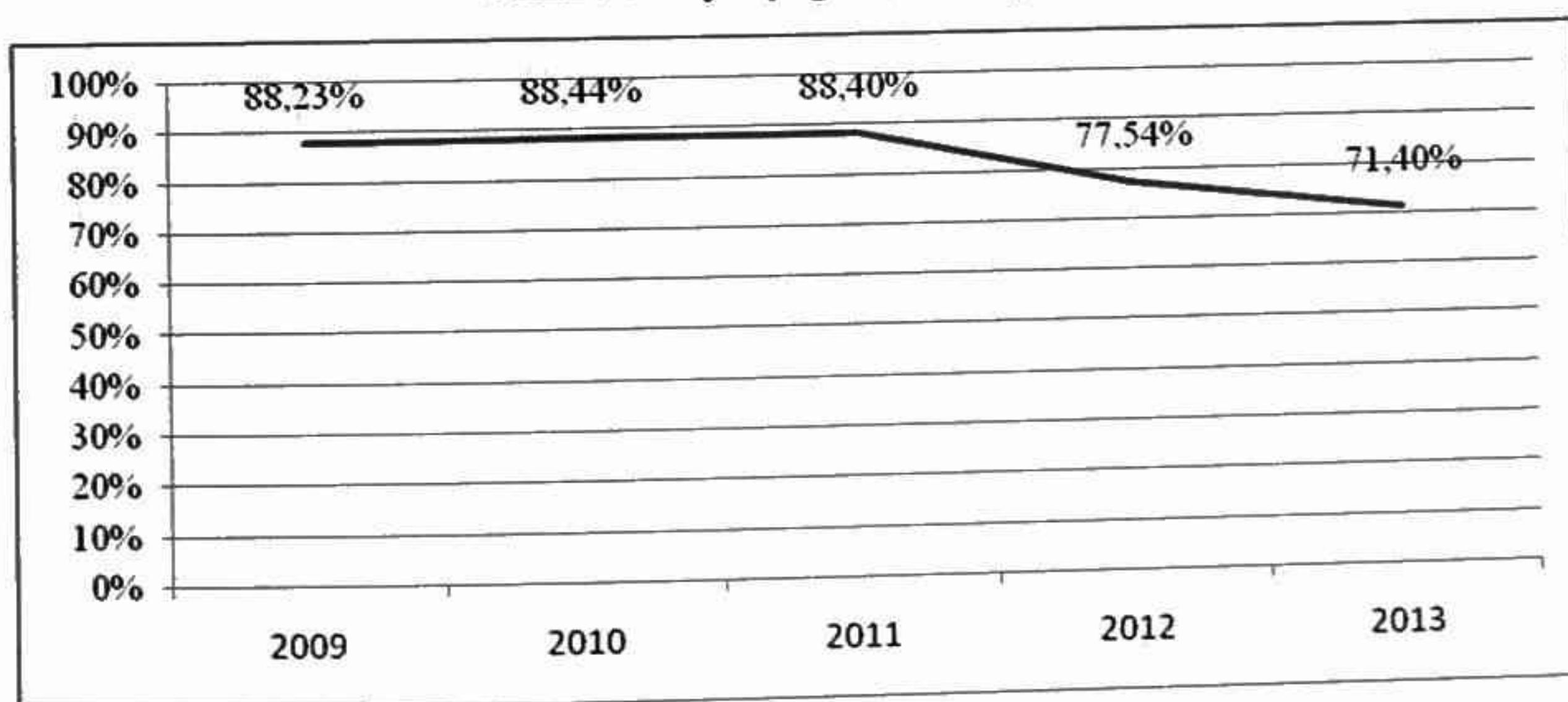


Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Một trong những định hướng đặt ra trong Đề án Tái cơ cấu của Chính phủ là từng bước giảm tỷ lệ cấp tín dụng so với huy động vốn từ Thị trường 1 đến cuối năm 2015 đạt mức bình quân toàn hệ thống không quá 85% đối với Nhóm các NH TMCP. Tỷ lệ này của nhóm các NH TMCP tại thời điểm cuối năm 2012 và 2013 lần lượt là 77,54% và 71,40%. Kết quả

này đạt được là do trong thời gian qua NHNN đã có những chính sách kịp thời nhằm kiểm soát tăng trưởng tín dụng và công tác huy động vốn của toàn hệ thống ngân hàng. NHNN đã sát sao trong việc phân loại và giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng ngân hàng để kìm hãm đà tăng trưởng tín dụng quá nóng của giai đoạn trước 2011.

Hình 7. Huy động vốn từ thị trường 1



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Tỷ lệ cấp tín dụng so với huy động vốn từ Thị trường 1 ở mức hợp lý cho thấy Nhóm các NH TMCP đang đi đúng định hướng của Đề án Tái cơ cấu và dần đạt được sự cân đối và hợp lý về thời hạn và loại tiền tệ giữa nguồn vốn và sử dụng nguồn vốn.

g. Tăng cường vốn tự có

Không chỉ đẩy mạnh huy động vốn từ Thị trường 1 qua đó cơ cấu lại nguồn vốn, các ngân hàng không ngừng tăng vốn tự có của mình để nâng cao sự an toàn trong hoạt động kinh doanh trước những rủi ro và cũng để đảm bảo an toàn hoạt động của cả hệ thống ngân hàng.

Việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế như khung đo lường Basel II của Ủy ban Basel (Ủy ban Basel là tổ chức được thành lập vào năm 1974 đưa ra những chuẩn mực quốc tế về đảm bảo an toàn trong hoạt động của các tài chính, hiện quy tụ được 27 thống đốc ngân hàng trung ương của các nền

kinh tế hàng đầu trên thế giới.) để đáp ứng các chỉ tiêu an toàn vốn. Theo Nghị định 141/2006/NĐ-CP và Nghị định 10/2011/NĐ-CP, NHNN đã yêu cầu các NH TMCP thực hiện lộ trình tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng bắt đầu thực hiện từ năm 2007 và hạn cuối là hết năm 2011. Vốn điều lệ của các NHTM liên tục tăng qua các năm và tính đến thời điểm cuối năm 2013 tất cả các ngân hàng trong nhóm 28 ngân hàng được nghiên cứu đã đạt được mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định là 3.000 tỷ đồng. Trong số đó, có 14 ngân hàng có vốn điều lệ ở mức trên 5.000 tỷ đồng.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bình quân tính đến thời điểm cuối năm 2013 của Nhóm các NH TMCP là 12,56% (Số liệu thống kê của Ngân hàng nhà nước), đảm bảo ở mức trên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 9% theo quy định trong Thông tư 13 của NHNN về các tỉ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD.

Hình 8. Quy mô tăng trưởng vốn điều lệ giai đoạn 2009 – 2013



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Việc tăng vốn tự có cũng là làm tăng nguồn vốn dài hạn trong cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng. Như vậy, lộ trình tăng vốn tự có của các NHTM không chỉ nâng cao tính ổn

định của nguồn vốn mà còn giúp tăng cường sức mạnh tài chính cho mỗi ngân hàng. Bên cạnh đó, các tỉ lệ đảm bảo an toàn hoạt động

của ngân hàng cũng được cải thiện đáng kể khi vốn tự có của ngân hàng tăng.

1.2. Một số thành tựu khác

a. Cơ cấu lại mô hình tổ chức hoạt động

Mô hình tổ chức hoạt động của các NH TMCP đã được sắp xếp lại theo chức năng hoạt động thành các bộ phận khác nhau như kinh doanh, hỗ trợ, kiểm soát. Các bộ phận hoạt động độc lập và hỗ trợ nhau tốt hơn: bộ phận kinh doanh là bộ phận trực tiếp mang lại lợi nhuận cho ngân hàng, bộ phận hỗ trợ, kiểm soát có vai trò phục vụ, hỗ trợ cho bộ phận kinh doanh. Bên cạnh đó, với mỗi nhóm nghiệp vụ kinh doanh sẽ thành lập nên một khối nghiệp vụ kinh doanh và giao toàn quyền kinh doanh cho khối này – quản lý theo ngành dọc.

Các NH TMCP đã và đang tái cấu trúc mô hình tổ chức hoạt động của mình nhằm hướng tới một mô hình NHTM hiện đại và đa năng, hướng tới việc tập trung hóa hoạt động và quản lý tập trung tại Hội sở chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

b. Nâng cao chất lượng nhân sự

Có thể nói, nhân sự là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến hiệu quả hoạt động của mỗi tổ chức và các NHTM không phải là một ngoại lệ. Việc quan tâm phát triển nguồn nhân lực ngân hàng có trình độ chuyên môn cao, ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức tốt là trong những nhiệm vụ hàng đầu của các ngân hàng trên con đường trở thành một ngân hàng hiện đại.

Số lượng nhân sự ngân hàng liên tục tăng qua các năm nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho hoạt động kinh doanh ngày một mở rộng của các NHTM. Không chỉ mở rộng về số lượng nhân sự, chất lượng nhân sự ngành ngân hàng cũng được cải thiện tích cực. Số lượng nhân sự có trình độ đại học trở lên

chiếm tỷ trọng rất cao và tỷ trọng này tăng dần qua các năm. Các ngân hàng đã thực hiện cơ cấu lại nhân sự, cắt giảm những nhân sự không có chất lượng và đổi mới công tác tuyển dụng cùng với các chính sách đãi ngộ để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Nguồn nhân lực được cải thiện là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngân hàng thương mại.

c. Phát triển đa dạng sản phẩm

Việc phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng là một trong những hướng đi quan trọng của các ngân hàng thương mại cổ phần trong quá trình hoạt động và phát triển. Qua đó, các ngân hàng thương mại từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh của mình theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng nguồn thu nhập từ hoạt động phi tín dụng theo đúng định hướng trong Đề án Tái cơ cấu các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015.

Nhóm các NH TMCP đang có sự gia tăng thị phần đáng kể trên thị trường sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Các ngân hàng luôn nỗ lực nghiên cứu và đưa ra các sản phẩm mới để đáp ứng được nhu cầu cho khách hàng trong và ngoài nước. Không chỉ tập trung vào cho vay và huy động, các ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động đa dạng trên các mặt dịch vụ: ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước, cho vay đầu tư, tài trợ thương mại, bảo lãnh và tái bảo lãnh, kinh doanh ngoại hối, tiền gửi, thanh toán, chuyển tiền, phát hành và thanh toán thẻ tín dụng trong nước và quốc tế, séc du lịch, kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm và cho thuê tài chính. Trong các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thẻ và các dịch vụ tiện ích đi kèm thẻ có thể coi là dịch vụ phát triển nhất. Bên cạnh đó, các NHTM cũng tập trung phát triển một số sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại như: Internet banking, SMS banking...

Cơ cấu thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng của các NHTM ngày càng tăng trong cơ cấu tổng thu nhập là một trong những minh chứng rõ ràng của sự phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng.

d. Áp dụng các thông lệ quốc tế về quản trị

Trong giai đoạn trước tái cơ cấu, năng lực quản trị chưa tốt của hệ thống NHTM là một trong nhiều nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng nợ xấu, thiếu hụt thanh khoản và nhiều rủi ro hoạt động khác.

NHNN đã đưa ra lộ trình rõ ràng nhằm định hướng và nâng cao năng lực quản trị của toàn hệ thống ngân hàng nhằm bắt kịp theo thông lệ quốc tế. Các NHTM cũng đã chủ động trong việc đổi mới, nâng cao khả năng quản trị, điều hành, hệ thống kiểm soát và rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức, cơ cấu lại danh mục tài sản và hoạt động kinh doanh, giảm dần các hoạt động đầu tư mang tính rủi ro ra nền kinh tế, ứng dụng các công nghệ hiện trong việc quản trị rủi ro.

Hiện nay, NHNN đã chọn 10 NHTM đầu tiên thực hiện thí điểm cho lộ trình từng bước áp dụng các chuẩn mực của Basel II. Trong số 10 thành viên này bao gồm các ngân hàng thương mại cổ phần: MB, Sacombank, Techcombank, ACB, VPBank, VIB và Maritime Bank. Basel II đưa ra các nguyên tắc và tiêu chuẩn quản trị cao hơn đối với các ngân hàng Việt Nam. Tuy Basel II có sự khác biệt nhất định trong việc áp dụng ở mỗi quốc gia, song tinh thần chung là khắt khe, chặt chẽ hơn trong giám sát an toàn hoạt động của các ngân hàng. Một trong số những nội dung quan trọng của việc áp dụng Basel II là các NHTM sẽ phải tiếp cận và từng bước áp dụng các chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp theo Basel II. Đây là một cơ hội để nâng cao năng lực quản trị điều hành cho Nhóm các NH TMCP và đưa hệ thống quản trị của các ngân

hàng Việt Nam tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

e. Minh bạch hóa thông tin

Trong quá trình cơ cấu lại hệ thống quản trị, các NH TMCP Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định trong việc tăng tính minh bạch hóa hoạt động ngân hàng thông qua việc áp dụng cơ chế mới về công bố thông tin của TCTD. Việc công bố thông tin của các công ty đại chúng được hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 52 do Bộ Tài chính ban hành năm 2012. Trong đó quy định rất rõ về việc công bố thông tin định kỳ (*Báo cáo tài chính năm, Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị công ty, Hợp Đại hội đồng cổ đông...*) cũng như công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của tổ chức niêm yết và công ty đại chúng có quy mô. Như vậy, theo Thông tư 52, không chỉ các ngân hàng thương mại cổ phần đã niêm yết trên sàn chứng khoán mà các ngân hàng thương mại cổ phần khác cũng là đối tượng nằm trong phạm vi điều chỉnh của Thông tư 52. Việc minh bạch hóa thông tin trong hoạt động ngân hàng không chỉ giúp giải quyết tình trạng sở hữu chéo hiện nay mà còn giúp nâng cao chất lượng thông tin trên thị trường, tăng lòng tin cho công chúng và các nhà đầu tư.

2. Một số vấn đề tồn tại

2.1. Tỷ lệ vốn tự có còn thấp

Vốn tự có không chỉ thể hiện sức mạnh tài chính, năng lực cạnh tranh của ngân hàng, mà còn là tấm đệm phòng chống rủi ro của ngân hàng. Quy mô vốn tự có của các ngân hàng thương mại gia tăng đáng kể trong thời gian qua và tất cả các ngân hàng thương mại đã đạt mức vốn tối thiểu theo quy định. Tuy nhiên, quy mô vốn tự có của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn khá khiêm tốn so với các ngân hàng trong khu vực và trên thế

giới. Theo thống kê, Sacombank là ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất trong nhóm 28 ngân hàng thương mại cổ phần được nghiên cứu với con số 12.425 tỷ đồng. So với các ngân hàng thương mại trong khu vực, Ngân hàng UOB, OCBC của Singapore có vốn điều lệ lần lượt khoảng 85.500 tỷ và 168.800 tỷ, lớn hơn rất nhiều so với mức vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Điều này làm giảm khả năng chống đỡ rủi ro, hạn chế khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam so với các ngân hàng khác trong khu vực và trên thế giới. Các ngân hàng cũng cần có lộ trình thích hợp để tăng quy mô vốn tự có của mình, nâng cao an toàn trong hoạt

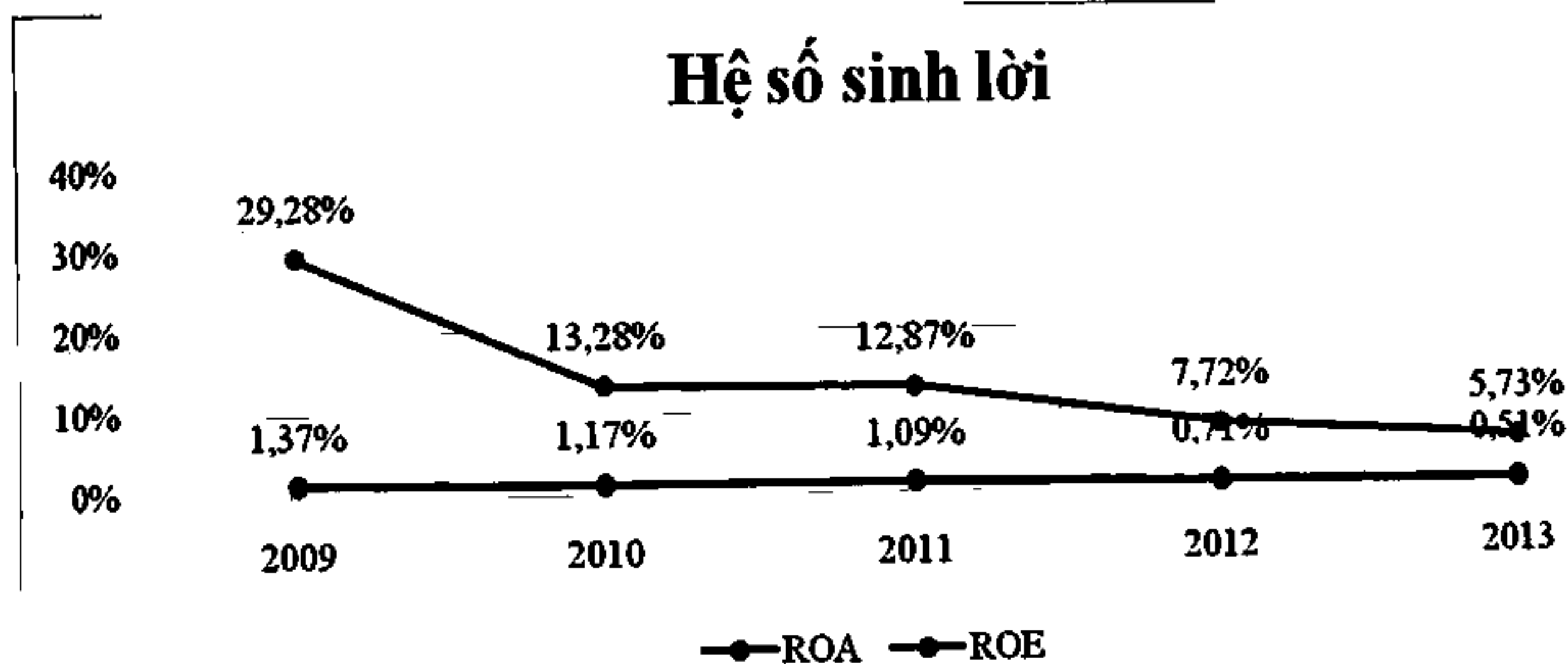
động ngân hàng cũng như năng lực cạnh tranh của tổ chức.

Ngoài ra, các ngân hàng cần quan tâm nhiều hơn đến quản lý có hiệu quả cấu trúc danh mục tài sản cũng như cấu trúc danh mục nguồn vốn để vừa đảm bảo thanh khoản nhưng cũng đạt được mục tiêu sinh lời.

2.2. Hệ số sinh lời của các ngân hàng giảm

Do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại đẩy mạnh trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu làm tăng các khoản chi phí, làm giảm lợi nhuận của ngân hàng, kéo theo đó là ROA và ROE của ngân hàng giảm.

Hình 9. Xu hướng của tỷ suất sinh lời giai đoạn 2009 – 2013



Nguồn: Báo cáo của các ngân hàng thương mại cổ phần, 2009-2013.

Trong những năm tiếp theo của Đề án Tái cơ cấu, các TCTD cần đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh chính như huy động, cho vay; tăng nguồn thu nhập từ hoạt động dịch vụ; giảm dần và đi đến loại bỏ các hoạt

động đầu tư, kinh doanh rủi ro và kém hiệu quả để cải thiện khả năng sinh lời của tổ chức.

2.3. Nợ xấu chưa được giải quyết triệt để

Thời gian qua, nợ xấu vẫn là một trong những vấn đề rất đáng lo ngại của nền kinh tế.

Có nhiều biện pháp xử lý nợ xấu từ phía NHNN và các ngân hàng được triển khai. Về ngắn hạn, những biện pháp này đã đem lại kết quả tích cực khi tỉ lệ nợ xấu đang có xu hướng giảm dần.

Tuy nhiên, về dài hạn, vẫn còn tồn tại rất nhiều nguyên nhân khiến cho nợ xấu chưa được giải quyết triệt để và một số ngân hàng còn chưa tuân thủ một cách nghiêm túc công tác phân loại nợ theo quy định hiện hành của NHNN.

Theo báo cáo của các TCTD đến cuối tháng 4/2013, tổng số dư nợ xấu toàn hệ thống là 137,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18,7 nghìn tỷ đồng (15,8%) so với cuối năm 2012 (4 tháng đầu năm 2012 nợ xấu tăng 36,2%), tốc độ tăng bình quân 3,94%/tháng (giảm đáng kể so với tốc độ tăng 9%/tháng của cùng kỳ năm 2012). Mặc dù tốc độ tăng của nợ xấu đã được kiểm chế, song tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng liên tục tăng lên do dư nợ tín dụng tăng trưởng chậm. Theo đó, đến cuối tháng 4/2013, tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng là 4,67%, tăng so với mức 4,08% của cuối năm 2012 và 3,07% cuối năm 2011.

Lý do cho việc xử lý nợ xấu trong thời gian qua vẫn chưa được giải quyết triệt để là do vẫn chủ yếu dựa vào nguồn dự phòng rủi ro. Các ngân hàng vẫn còn ngần ngại trong việc bán các khoản nợ xấu sang Công ty VAMC. Hoạt động của VAMC tuy đang đi đúng định hướng nhưng chưa tạo được hiệu quả, mới chỉ dừng lại ở việc gom nợ xấu của hệ thống ngân hàng vì VAMC vẫn chưa có một cơ chế để xử lý nợ xấu. Bên cạnh đó, việc xử lý nợ xấu còn những vướng mắc do hoạt động kinh doanh của các khách hàng vay còn nhiều khó khăn, các quy định về xử lý tài sản đảm bảo còn nhiều bất cập, thị trường mua bán

nợ xấu chưa phát triển, thiếu cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư có tiềm lực tham gia xử lý nợ xấu.

3. Một số giải pháp cho thời gian tới

3.1. Kiểm soát chất lượng tín dụng

Mục tiêu hiện nay của Ngân hàng nhà nước với các ngân hàng thương mại là cần chủ động nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và duy trì tỷ lệ nợ xấu luôn ở mức dưới 3% so với Tổng dư nợ²⁴. Để thực hiện được điều này, các ngân hàng phải tập trung xử lý nợ xấu thông qua các giải pháp sau:

- Định kỳ hàng quý, các ngân hàng thực hiện rà soát, đánh giá lại giá trị tài sản đảm bảo, khả năng thu hồi của từng khoản nợ, năng lực tài chính của khách hàng vay để đánh giá đúng chất lượng tín dụng, kịp thời có các biện pháp quyết liệt để tiến hành thu nợ ngay khi năng lực trả nợ của khách hàng có dấu hiệu bị suy giảm.

- Các ngân hàng cần trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ, đúng quy định, nhất là đối với nợ nhóm 5 phải đảm bảo trích lập 100%. Đối với các khoản nợ xấu, sau khi đánh giá đúng thực chất khoản nợ, giá trị có thể thu hồi được, giá trị chắc chắn bị thất thoát, các ngân hàng cần tiến hành thủ tục xử lý nợ xấu bằng nguồn quỹ dự phòng rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, đối với các khoản nợ xấu đủ tiêu chuẩn để bán nợ cho VAMC thì các ngân hàng cần nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ để thực hiện bán nợ. Trong thời gian tới, Chính phủ cần cấp thêm vốn cho VAMC và thiết lập một hành lang pháp lý hoàn thiện làm cơ sở cho VAMC hoạt động hiệu quả hơn, ngăn chặn nợ xấu phát sinh. Bên cạnh đó, NHNN cần tiến hành triệt để thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/3/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà

²⁴ Tạp chí Ngân hàng (tháng 1+2/2015).

nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để có những đánh giá đúng hơn về tình trạng nợ xấu và có hướng xử lý sát thực hơn.

- Các ngân hàng cần không ngừng hoàn thiện chính sách, quy trình tín dụng; thiết lập các hạn mức, tỷ lệ cấp tín dụng phù hợp với mức độ rủi ro và quy mô tín dụng tại các đơn vị. Bên cạnh đó, Các ngân hàng cũng cần tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng tín dụng tại các đơn vị trong toàn hệ thống để kịp thời phát hiện, xử lý, uốn nắn những sai sót phát sinh.

- Các ngân hàng cần thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tín dụng cho cán bộ nhằm từng bước nâng cao năng lực trình độ cán bộ tín dụng nói riêng và chất lượng tín dụng nói chung.

3.2. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động trên cơ sở ưu tiên phát triển nguồn vốn dài hạn

- Các ngân hàng cần tiếp tục tăng cường các giải pháp tích cực, hiệu quả để đạt mức tăng trưởng cao về huy động vốn khách hàng trên Thị trường 1, đặc biệt là từ tiền gửi tiết kiệm từ khu vực dân cư nhằm giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng. Các ngân hàng cần tăng tính cạnh tranh thu hút huy động vốn qua việc cung cấp các dịch vụ gia tăng cho khách hàng gửi tiền, phát triển các nguồn vốn có chi phí lãi thấp như tiền gửi thanh toán của doanh nghiệp và dân cư.

- Các ngân hàng cần có những chính sách huy động vốn phù hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN nhằm điều chỉnh dần kỳ hạn vốn theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi huy động có thời hạn trên 1 năm, giảm dần các khoản huy động ngắn hạn. Điều này sẽ góp phần nâng cao tính tự chủ trong việc sử dụng

nguồn vốn nhằm tạo nguồn để đầu tư trung và dài hạn.

- Các ngân hàng cần phát triển mở rộng mạng lưới giao dịch, đa dạng hóa các sản phẩm và tiện ích đi kèm, chú trọng đầu tư phát triển nền tảng công nghệ thông tin hiện đại và chất lượng phục vụ cũng như chăm sóc khách hàng.

- Các ngân hàng cần chủ động triển khai thực hiện huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu trung và dài hạn khi thị trường thuận lợi nhằm cơ cấu lại kỳ hạn nguồn vốn. Trong thời gian tới, nếu các yếu tố bất ổn của nền kinh tế vĩ mô được kiểm soát cùng với sự điều hành đúng đắn của NHNN, mặt bằng lãi suất huy động có xu hướng sẽ giảm dần, thì khi đó kênh huy động vốn bằng trái phiếu sẽ gặp nhiều thuận lợi. Đây là thời cơ tốt để các ngân hàng có thể cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng tăng tỷ lệ vốn trung và dài hạn.

- Các ngân hàng cần duy trì, phát triển các quan hệ tiền gửi, tiền vay với các đối tác trên thị trường liên ngân hàng với số dư ở mức hợp lý. Khi nguồn vốn huy động của toàn hệ thống ngân hàng dồi dào thì chi phí huy động vốn liên ngân hàng sẽ rẻ và là cơ hội gia tăng lợi nhuận.

3.3. Tăng vốn tự có

Quy mô vốn tự có của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn khá khiêm tốn so với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Theo thống kê thì tại cuối năm 2013, Sacombank là ngân hàng thương mại cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất với 12.425 tỷ đồng. So với các ngân hàng thương mại trong khu vực, Ngân hàng UOB, OCBC của Singapore có vốn điều lệ lần lượt khoảng 85.500 tỷ và 168.800 tỷ, lớn hơn rất nhiều so với mức vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam.